

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN PHONG
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/DS-ST
Ngày: 14/3/2025
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN PHONG, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương Nhung
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hà, bà Đào Thị Vân.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Việt Hằng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong tham gia phiên toà:
Ông Dương Minh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 14/3/2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 97/TLST - DS, ngày 02 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐXXST-DS ngày 07/02/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty T3 (S).

Địa chỉ: Tòa nhà G, số E L, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông/Bà O – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Minh T – Giám đốc Trung tâm hỗ trợ thanh toán khoản vay;

Đại diện theo ủy quyền: Công ty L.

Địa chỉ: Số G, khu tập thể Công ty T4, phường T, quận N, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Luật sư Trần Ngọc T1 – Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Bà Hoàng Thúy A (có mặt)

Địa chỉ liên hệ: P209, Tòa nhà A, phố C, phường T, quận N, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Anh Nguyễn Bá T2, sinh năm 1987 (vắng mặt);

Trú tại: Thôn V, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty T3 (S) đã ký Hợp đồng vay vốn số 111903270454733 ngày 23/03/2019 với anh Nguyễn Bá T2. Theo đó, hợp đồng vay vốn mà anh Nguyễn Bá T2 đã ký với Công ty T3 là: Đề nghị vay vốn kèm hợp đồng cho vay ngày 23/03/2019, S đã đồng ý cho anh Nguyễn Bá T2 vay số tiền 31.650.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng từ ngày 23/03/2019 đến 23/03/2022, mục đích vay tiêu dùng, lãi suất là 62%/ năm. Trong đó, S đã thực hiện chuyển khoản vào số tài khoản 100001847044 (Ngân hàng TMCP Q) của anh Nguyễn Bá T2 số tiền 29.994.500 đồng, phí chuyển liên ngân hàng do anh T2 phải chịu là 5.500 đồng và số tiền đóng bảo hiểm khoản vay 1.650.000 đồng. S đã đóng số tiền bảo hiểm này cho Công ty B. Việc giải ngân thực hiện vào ngày 27/3/2019.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, anh T2 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng vay vốn đã ký. Từ ngày vay tiền cho đến ngày 26/8/2019, anh T2 đã trả cho S tổng số tiền gốc đã thanh toán là 1.377.488 đồng, số tiền lãi đã thanh toán là 6.459.652 đồng. Từ ngày 27/08/2019 anh Nguyễn Bá T2 đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán với S. S đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 27/8/2019. S đã nhiều lần yêu cầu anh T2 trả tiền nhưng anh T2 không trả.

Tạm tính từ 27/08/2019 đến hết ngày 14/03/2025 tổng dư nợ đối với Hợp đồng vay vốn của anh Nguyễn Bá T2 tại S là 186.543.612 đồng.

Trong đó nợ gốc là 30.272.552 đồng và nợ lãi chậm trả đối với số dư nợ gốc quá hạn (Lãi suất chậm trả = $150\% \times 62\%/năm = 93\%/năm$) là 156.271.060 đồng.

Do vậy S yêu cầu anh T2 phải trả tổng số tiền tạm tính đến ngày hết ngày 14/03/2025 là 186.543.612 đồng.

Ngoài ra, anh T2 phải thanh toán cho S tiền lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng đã ký kể từ ngày 15/3/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Bị đơn là anh Nguyễn Bá T2 vắng mặt tại phiên tòa nhưng qua lời khai có trong hồ sơ thể hiện: Anh thừa nhận nội dung trình bày của đại diện theo uỷ quyền của Công ty T3 về khoản tiền vay, thời điểm vay, mức lãi suất như Công ty T3 trình bày là đúng. Do việc làm ăn có khó khăn nên không có khả năng trả nợ theo đúng hạn đã thỏa thuận. Nay Công ty T3 yêu cầu trả toàn bộ tiền nợ gốc và lãi thì anh T2 đồng ý trả tiền gốc, còn tiền lãi anh T2 đề nghị Ngân hàng giảm tiền lãi cho anh T2.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc anh Nguyễn Bá T2 phải trả Công ty T3 tổng dư nợ đối với Hợp đồng vay vốn của anh Nguyễn Bá T2 tại S đến hết ngày 14/3/2025 là 186.543.612 đồng. Trong đó nợ gốc là 30.272.552 đồng, tiền lãi kể từ ngày 27/8/2019 đến hết ngày 14/3/2025, số tiền lãi chậm trả là 156.271.060 đồng. (Số tiền lãi chậm trả đối với dư nợ gốc quá hạn = 150% x Lãi suất cho vay : 365 x Dư nợ gốc quá hạn x Số ngày quá hạn).

Bị đơn là anh Nguyễn Bá T2 đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật, phía bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 26, 35, 92, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 166, 357, 466, 468, 479, 688 Bộ luật dân năm 2015; Điều 100; khoản 2 Điều 105 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T3.

Buộc anh Nguyễn Bá T2 phải trả cho Công ty T3 số tiền gốc và tiền lãi kể từ ngày 27/08/2019 đến hết ngày 14/3/2025 là 186.543.612 đồng.

Trong đó nợ gốc là 30.272.552 đồng và tiền lãi kể từ ngày 27/8/2019 đến hết ngày 14/3/2025, số tiền lãi là 156.271.060 đồng.

Kể từ ngày 15/3/2025 anh Nguyễn Bá T2 tiếp tục trả lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong số tiền còn nợ.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Công ty T3 khởi kiện đối với anh Nguyễn Bá T2 thuộc quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Do anh T2 không có đăng ký kinh doanh, vay tiền có mục đích Thuê, mua phương tiện đi lại nên đây là vụ án dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh T2 cư trú tại thôn V, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh, do vậy theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

Về việc vắng mặt của các đương sự: Tòa án nhân dân huyện Yên Phong đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ cho các đương sự trong vụ án. Tại phiên tòa ngày 27/02/2024, bị đơn vắng mặt lần thứ nhất, căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa. Theo Quyết định hoãn phiên tòa của Hội đồng xét xử, phiên tòa được mở lại vào hồi 08 giờ ngày 14/3/2025, bị đơn vắng mặt nên căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét Hợp đồng tín dụng hạn mức số 111903270454733 ký ngày 23/03/2019 giữa Công ty T3 và anh Nguyễn Bá T2 là hợp đồng tín chấp thì thấy:

Về hình thức của hợp đồng tín dụng: Hợp đồng được ký kết bằng văn bản giữa đại diện Công ty T3 với anh T2 là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với pháp luật, đảm bảo đúng các điều kiện về chủ thể theo quy định của pháp luật.

Về nội dung hợp đồng:

Ngày 23/3/2019, Công ty T3 và anh Nguyễn Bá T2 có ký Hợp đồng tín dụng hạn mức số 112207284764627. Nội dung: Anh Nguyễn Bá T2 vay của Công ty T3 số tiền 31.650.000 đồng. Mục đích vay: Tiêu dùng, thời hạn vay là 36 tháng, từ ngày 23/03/2019 đến 23/03/2022. Lãi suất quy đổi là 62 %/ năm.

Sau khi vay tiền, anh T2 đã trả cho Công ty T3 tổng số tiền gốc đã thanh toán là 1.377.488 đồng, số tiền gốc còn nợ là 30.272.552; số tiền lãi đã thanh toán là 6.459.652 đồng. Từ ngày 27/08/2019 anh Nguyễn Bá T2 đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên Công ty T3 đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 27/8/2019 là phù hợp với quy định tại Điều 10 – Bản điều khoản điều kiện đi kèm theo hợp đồng cho vay.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Khi ký kết hợp đồng các bên đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, các thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật, nội dung và mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Việc ký kết hợp đồng tín dụng được thực hiện theo đúng trình tự pháp luật về tín dụng Ngân hàng nên hợp đồng này có hiệu lực pháp luật.

Việc anh Nguyễn Bá T2 không trả tiền cho Công ty T3 khi đến hạn thanh toán là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay.

Về số tiền nợ gốc: Anh T2 xác nhận số nợ gốc theo như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về tiền lãi: Đề nghị vay vốn kèm hợp đồng vay vốn số 111903270454733 ngày 23/3/2019 các bên có thỏa thuận mức lãi suất cho vay là 62%/ năm. Số tiền lãi chậm trả đối với dư nợ gốc quá hạn = 150% lãi suất cho vay, lãi suất chậm trả =

150% (x) 62%/Năm = 93%/Năm), do vậy mức lãi suất chậm trả Công ty T3 yêu cầu anh T2 phải trả từ ngày 27/8/2019 đến ngày 14/3/2025 là phù hợp pháp luật và có căn cứ chấp nhận.

Do vậy Hội đồng xét xử buộc anh Nguyễn Bá T2 phải trả cho Công ty T3 tổng số tiền gốc và tiền lãi kể từ ngày 27/08/2019 đến hết ngày 14/3/2025 là 186.543.612 đồng. Trong đó nợ gốc là 30.272.552 đồng và tiền lãi kể từ ngày 27/8/2019 đến hết ngày 14/3/2025, số tiền lãi là 156.271.060 đồng.

Kể từ ngày 15/3/2025 anh Nguyễn Bá T2 tiếp tục trả lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong số tiền còn nợ.

[3] Về án phí: Anh Nguyễn Bá T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả Công ty T3 số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26, 35, 92, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 166, 357, 466, 468, 479, 688 Bộ luật dân năm 2015;

Áp dụng Điều 100; khoản 2 Điều 105 Luật các tổ chức tín dụng;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T3.

Buộc anh Nguyễn Bá T2 phải trả cho Công ty T3 tổng số tiền gốc và tiền lãi kể từ ngày 27/08/2019 đến hết ngày 14/3/2025 là 186.543.612 đồng (một trăm tám mươi sáu triệu, năm trăm bốn mươi ba nghìn, sáu trăm mười hai đồng).

Trong đó nợ gốc là 30.272.552 đồng và tiền lãi kể từ ngày 27/8/2019 đến hết ngày 14/3/2025, số tiền lãi là 156.271.060 đồng.

Kể từ ngày 15/3/2025 anh Nguyễn Bá T2 tiếp tục trả lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong số tiền còn nợ.

Về án phí: Anh Nguyễn Bá T2 phải chịu 9.327.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Công ty T3 3.770.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002475 ngày 02/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Phong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân

sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự;

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh.
- VKSND huyện Yên Phong;
- Chi cục THADS huyện Yên Phong;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Phương Nhung